

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 20 – 7 – 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Th Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê;

2. Bà Trần Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 04/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, anh Trương Văn Th.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ph trình bày: Do chỗ quen biết, nên ngày 25/01/2019 mẹ con bà Nguyễn Thị V, anh Trương Văn Th có vay của bà Ph số tiền 43.000.000 đồng; hạn trả ngày 25/3/2019. Hai bên có viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Tuy nhiên đến hạn trả nợ mẹ con bà V, anh Th không chịu trả cho bà Ph. Vì vậy, bà Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và anh Th phải

liên đòi trả cho bà Ph nợ gốc là 43.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử với mức lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày vay ngày 25/01/2019 và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi bà V, anh Th trả hết nợ cho bà Ph. Bà V trình bày số tiền 43.000.000 đồng là tiền lãi là không đúng, bà Ph không đồng ý với ý kiến của bà V.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày có nội dung:* Do có quen biết nên đầu năm 2019, mẹ con bà V có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc Ph để đáo hạn ngân hàng. Bà Ph cho mẹ con bà V vay tổng cộng là 195.000.000 đồng; Sau đó, con bà V vay lại ngân hàng và đã trả hết nợ gốc là 195.000.000 đồng cho bà Ph, còn nợ lại 43.000.000 đồng tiền lãi. Mẹ con bà V có viết giấy vay tiền cho bà Ph và hẹn đến tháng 3/2019 sẽ trả. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay vẫn chưa trả được. Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu bà V, anh Th phải trả tổng số tiền 49.450.000 đồng thì bà V đồng ý trả cho bà Ph số tiền này nhưng xin bà Ph cho trả dần.

Bị đơn anh Trương Văn Th đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà V, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph, buộc bị đơn bà V và anh Th phải trả cho bà Ph số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà V, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do;

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ph về việc yêu cầu bà V và anh Th phải trả số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng từ ngày vay cho đến khi bà V, anh Th trả xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 25/01/2019 bà Nguyễn Thị V, anh Trương Văn Th có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền 43.000.000 đồng là có thật; được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 25/01/2019 do bà Ph cung cấp và lời trình bày của bà V.

Xét lời khai của bà V về việc đầu năm 2019, bà Ph cho bà V, anh Th vay tổng cộng số tiền là 195.000.000 đồng; Sau đó, anh Th đã đi vay lại ngân hàng và đã trả hết nợ gốc là 195.000.000 đồng cho bà Ph, còn nợ lại 43.000.000 đồng tiền lãi. Bà Ph không thừa nhận lời trình bày của bà V mà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng thời bà V không đưa ra được chứng cứ để chứng minh số tiền 43.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền nợ gốc 195.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập làm việc; anh Th biết được yêu cầu đòi nợ tiền của bà Ph nhưng không có ý kiến, phản hồi cũng như không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án là đã tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Ph, yêu cầu bà V, anh Th phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng cho bà Ph là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi, bà Ph yêu cầu bà V, anh Th phải trả tiền lãi tính từ ngày vay ngày 25/01/2019 với mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 25/01/2019 thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 25/3/2019 và có thỏa thuận lãi suất. Nguyên đơn bà Ph trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, bị đơn bà V đã đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về mức lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ vay tiền thuộc trường hợp vay có thời hạn và có thỏa thuận lãi. Bà Ph khởi kiện yêu cầu tính lãi suất là 1,5%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của bà Ph là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

Tính từ ngày vay, ngày 25/01/2019 đến ngày xét xử ngày 20/7/2020, số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

43.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 17 tháng 25 ngày = 11.502.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bà V, anh Th phải liên đới trả cho bà Ph tính đến ngày xét xử là: 43.000.000 đồng + 11.502.000 đồng = 54.502.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà V, anh Th phải liên đới chịu số tiền (54.502.000 đồng x 5%) 2.725.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Ph số tiền 1.236.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ph.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V, anh Trương Văn Th phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph tổng số tiền 54.502.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng, nợ lãi là 11.502.000 đồng (lãi tính từ ngày 25/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2020, lãi suất 1,5%/tháng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị V, anh Trương Văn Th phải liên đới chịu số tiền 2.725.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền 1.236.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0014411 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Th Văn Hải